

## BIỂU SỐ 20/2016

### THỐNG KÊ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN CỦA VIỆN KIỂM SÁT

#### I. Phân hướng dẫn theo cột:

##### 1. Khiếu nại:

- **Cột 3 (Khiếu nại về quản lý hành chính Nhà nước trong ngành KSND):** Thống kê số đơn khiếu nại của cán bộ, công chức trong ngành KSND đối với quyết định, hành vi hành chính của cơ quan VKSND, của những người có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý hành chính của ngành KSND như việc tuyển dụng, nâng lương, kỷ luật, bổ nhiệm.vv...

- **Cột 4 (Khiếu nại quyết định, hành vi của người có thẩm quyền trong THQCT và KSHĐ tư pháp):** Thống kê đơn khiếu nại quyết định, hành vi của người có thẩm quyền trong THQCT và KSHĐ tư pháp trong tố tụng hình sự, thi hành án hình sự, và đơn khiếu nại quyết định, hành vi của người có thẩm quyền trong KSHĐ tư pháp trong tố tụng dân sự, hành chính, thi hành án dân sự, hành chính.

- **Cột 5 (Khiếu nại về hoạt động điều tra của cơ quan điều tra VKSNDTC):** Thống kê khiếu nại về hoạt động điều tra của Cục Điều tra VKSNDTC.

- **Cột 6 (Khiếu nại quyết định, hành vi của Thủ trưởng Cơ quan điều tra):** Thống kê số khiếu nại quyết định, hành vi của Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra đã được Viện kiểm sát phê chuẩn (Điều 475 Bộ Luật TTHS)

- **Cột 7 (Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra):** Thống kê khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra như Bộ đội biên phòng, kiểm lâm... (Điều 475 Bộ luật TTHS).

- **Cột 8 (Khiếu nại liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự):** Thống kê khiếu nại đối với việc bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự của những người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành (Điều 474 BLTTHS, Điều 152 Luật THAHS).

- **Cột 9 (Khiếu nại liên quan đến thi hành án dân sự và các loại án khác):** Thống kê khiếu nại liên quan đến thi hành án dân sự và các loại án khác (Điều 140 luật THADS).

- **Cột 10 (Các khiếu nại khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát):** Thống kê khiếu nại khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát nhưng không thuộc nội dung từ cột 1 đến cột 6 được thông kê vào nội dung này.

- **Cột 11 (Tổng số):** Thống kê tổng số các loại khiếu nại bao gồm:

Cột 3 + cột 4 +cột 5 + cột 6 +cột 7 + cột 8 + cột 9 + cột 10 = cột 11

## **2. Tố cáo:**

**Hành vi vi phạm của người được tiến hành một số hoạt động điều tra  
Hành vi vi phạm của người có thẩm quyền bắt, tạm giữ, tạm giam và THA H.s**

- **Cột 12 (Tố cáo cán bộ Kiểm sát vi phạm trong quản lý hành chính):** Thống kê tố cáo về hành vi của cán bộ, công chức trong ngành Kiểm sát vi phạm trong lĩnh vực quản lý hành chính.

- **Cột 13 (Tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền trong THQCT, KSHĐTP):** Thống kê tố cáo về hành vi của cán bộ, những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Viện kiểm sát trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

- **Cột 14 (Tố cáo hành vi vi phạm của của người được tiến hành một số hoạt động điều tra):** Thống kê tố cáo về hành vi của những người được tiến hành một số hoạt động điều tra (Điều 481 BLTTHS).

- **Cột 15 (Tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền bắt, tạm giữ, tạm giam và THA hình sự):** Thống kê tố cáo liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (Điều 481BLTTHS, Điều 168 Luật THAHS)

- **Cột 16 (Các loại tố cáo khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát):** Thống kê tố cáo khác ngoài các loại tố cáo trên và thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND.

- **Cột 17 (Tổng số):** Tổng số các loại tố cáo bao gồm:

Cột 12 + cột 13 +cột 14 + cột 15 + cột 16 = cột 17

- **Cột 18 (Đơn kiến nghị phản ánh và các loại khác):** Thống kê đơn kiến nghị phản ánh, yêu cầu.. thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND.

## **3. Về đề nghị kháng nghị GĐT, TT:**

- **Cột 19 (Đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm hình sự):** Thống kê những yêu cầu kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định hình sự.

- **Cột 20 (Đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự, hôn nhân gia đình):** Thống kê yêu cầu kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định dân sự, hôn nhân gia đình.

- **Cột 21 (Đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định hành chính):** Thống kê yêu cầu kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định hành chính.

- **Cột 22 (Đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật):** Thống kê yêu cầu kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật.

#### **4. Các yêu cầu, tổ giác khác:**

- **Cột 23 (Yêu cầu bồi thường thiệt hại do người tiến hành tố tụng gây ra):** Thống kê yêu cầu bồi thường thiệt hại do người tiến hành tố tụng gây ra thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS.

- **Cột 24 (Tổ giác tội phạm trong hoạt động tư pháp):** Thống kê tổ giác tội phạm trong hoạt động tư pháp.

- **Cột 25 (Tổng cộng):** Tổng số khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND, bao gồm: cột 11 + cột 17 + cột 18 + cột 19 + cột 20 + cột 21 + cột 22 + cột 23+cột 24 = cột 25.

## **II. Phần hướng dẫn theo dòng:**

- **Dòng 1/2 (Số đơn/việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số (đơn/việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS mà kỳ trước chưa giải quyết xong chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 3/4 (Số đơn/việc mới thụ lý):** Thống kê số (đơn/việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND (đơn vị mình) mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 5/6 (Số đơn/việc do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến):** Thống kê số (đơn/việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND (đơn vị mình), do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến và VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7/8 (Tổng số đơn/việc thụ lý):** Thống kê số đơn/việc thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND (đơn vị mình), bao gồm số cũ và số mới thụ lý.

- **Dòng 9/10 (Số đơn/việc do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến):** Thống kê số (đơn/việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND (đơn vị mình) do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến.

- **Dòng 11/12 (Tổng số đơn/việc đã giải quyết):** Thống kê số (đơn/việc) VKSND (đơn vị mình) đã giải quyết xong trong kỳ thống kê.

- **Dòng 13/14 (Số đơn/việc do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến):** Là số (đơn/việc) nhưng do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến đã giải quyết xong.

- **Dòng 15/16 (Số việc khiếu nại đúng/số việc khiếu nại không đúng):** Thống kê số khiếu nại đúng hoặc không đúng một phần tương ứng cụ thể với từng loại khiếu nại.

- **Dòng 17/18 (Số việc tố cáo đúng/số việc tố cáo không đúng):** Thống kê số khiếu nại đúng hoặc không đúng một phần tương ứng cụ thể với từng loại khiếu nại.

- **Dòng 19 (Trả lời hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại):** Thống kê số khiếu nại VKS đã giải quyết bằng hình thức trả lời hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại trong kỳ thống kê.

- **Dòng 20 (Kháng nghị):** Thống kê số yêu cầu VKS đã giải quyết bằng hình thức ra quyết định kháng nghị trong kỳ thống kê.

- **Dòng 21 (Trả lời bằng văn bản):** Thống kê số tố cáo mà VKS đã có quyết định khởi tố hình sự trong kỳ thống kê.

- **Dòng 22 (Khởi tố hình sự):** Thống kê số tố cáo mà VKS đã có quyết định khởi tố hình sự trong kỳ thống kê.

- **Dòng 23 (Xử phạt hành chính, kỷ luật):** Thống kê số tố cáo đã có quyết định xử phạt hành chính, kỷ luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 24/25 (Số đơn/việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Số (đơn/việc) VKSND (đơn vị mình) chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 26, 27 (Số đơn/việc quá hạn luật định):** Thống kê số (đơn/việc) VKSND (đơn vị mình) chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê và đã quá hạn luật định.